

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2018/DS-PT  
Ngày: 24/10/2018  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Nhu

*Các thẩm phán:* Ông Ngô Thanh Sỹ.

Ông Nguyễn Công Sự.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLPT-DS ngày 20/9/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2018/QĐ-PT, ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1969.

Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: tổ B, khu B, thị trấn R, huyện L, Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Viết C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn R, huyện L, Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Do chỗ quen biết, trước đây bà có cho bà Đỗ Thị M và chị Đỗ Thị P góp hụi và vay tiền nhiều lần, bà không nhớ cụ thể các lần cho vay. Đến ngày 10/7/2016, giữa bà và bà M có chốt lại số tiền góp hụi còn nợ lại và tiền vay và làm giấy vay tiền với tổng số tiền là 148.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận tiền lãi, chỉ thỏa thuận khi nào bà M và ông C ly hôn chia tài sản xong sẽ trả nợ cho bà, nhưng đến nay bà M mới chỉ trả cho bà được số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng, còn nợ lại là 142.000.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó giữa bà và chị Đỗ Thị P là con gái ruột của bà M cũng có góp hụi và vay tiền của bà, đến ngày 05/12/2015 hai bên chốt lại số tiền vay và tiền nợ hụi là 126.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận tiền lãi, chỉ thỏa thuận miệng sẽ trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Ngày 12/12/2015, chị P đã trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 96.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay chị P không trả được cho bà khoản tiền nào nữa.

Quá trình giải quyết vụ án giữa bà, bà M và chị P đã thống nhất và thỏa thuận lại bà M sẽ có trách nhiệm trả cả hai khoản tiền trên là 238.000.000 đồng. Thời gian gần đây, bà M có trả thêm cho bà được hai lần tiền lần 6.500.000 đồng và lần 10.700.000 đồng. Như vậy, hiện bà M còn nợ bà số tiền 220.800.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà M phải thanh toán cho bà số tiền trên mà không yêu cầu chị P phải trả nợ cho bà, bà không yêu cầu tiền lãi chỉ yêu cầu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị M và chị Đỗ Thị P thống nhất trình bày: Bà M và chị P thống nhất với lời trình bày của bà Vũ Thị L. Từ năm 2013, bà M có góp hụi và vay tiền của bà L nhiều lần, cụ thể các lần thì bà M không nhớ. Nhưng đến ngày đến ngày 10/7/2016, giữa bà và bà L có chốt lại số tiền góp hụi còn nợ lại và tiền vay và làm giấy vay tiền với tổng số tiền là 148.000.000 đồng. Trước đó ngày 05/12/2015, bà có nhờ con gái bà là chị Đỗ Thị P xuống nhà bà L chốt lại số tiền trước đây bà có nợ và thiếu tiền hụi ở khoản vay khác với số tiền là 126.000.000 đồng. Bà M xác định đây là nợ của bà và không liên quan đến chị P. Quá trình vay nợ, bà đã trả được cho bà L các khoản tiền cụ thể như sau: Đối với khoản vay 148.000.000 đồng bà đã trả được 6.000.000 đồng tiền nợ gốc hiện còn nợ lại số tiền 142.000.000 đồng; Đối với khoản vay 126.000.000 đồng đã trả được 30.000.000 đồng tiền nợ gốc hiện còn nợ lại 96.000.000 đồng. Như vậy hiện bà còn nợ lại bà L tổng số tiền của hai khoản vay là 238.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu bà M trả số tiền nợ trên bà M đồng ý trả cho bà L số tiền trên và không liên quan đến chị P.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Viết C trình bày:

Trước đây, ông và bà Đỗ Thị M là vợ chồng, quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đến năm 2012 ông và bà M đã ly thân, thời gian ly thân ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến năm 2016 thì ông và bà M đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 293/2016/QĐST - HNGĐ ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tại quyết định trên cũng ghi nhận nợ chung vợ chồng không có. Sự việc bà M vay tiền bà L ông hoàn toàn không biết, và bà M cũng không dùng số tiền vay trên để đóng góp vào kinh tế trong gia đình, ông không đồng ý cùng với bà M trả nợ cho bà L.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 27/7/2018, Tòa án nhân dân huyện L đã Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Vũ Thị L đối với bà Đỗ Thị M và chị Đỗ Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền là 220.800.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị M phải nộp 11.040.000 đồng (*Mười một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền 6.350.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 003129 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2018, bị đơn bà Đỗ Thị M kháng cáo bản án số 18/2018/DS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác

định lại quan hệ tranh chấp, xác định lại toàn bộ số tiền góp hụi gốc (số tiền 220.800.000 đồng đã bao gồm tiền hụi gốc và tiền lãi cộng dồn) và số tiền lãi bà M đã thanh toán cho bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền 220.800.000 đồng là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của bà M là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị M trong hạn luật định, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Vũ Thị L và ông Đỗ Viết C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Từ năm 2013, bà M và chị P (con gái bà M) có góp hụi và vay tiền của bà L nhiều lần, cụ thể các lần thì các bên không nhớ, đến ngày 10/7/2016 giữa bà M và bà L có chốt lại số tiền còn nợ và làm giấy vay tiền với tổng số tiền là 148.000.000 đồng, trước đó ngày 05/12/2015 chị P và bà L có chốt lại số tiền còn nợ với số tiền là 126.000.000 đồng, sau đó bà M đã trả được 6.000.000 đồng, chị P đã trả được 30.000.000 đồng, việc này đã được các bên thừa nhận.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà M xác định đây là khoản nợ của bà và không liên quan đến chị P, ông C; phía bà L cũng thống nhất và chỉ yêu cầu một mình bà M trả nợ, theo bà L thì bà M có trả thêm cho bà số tiền 17.200.000 đồng, như vậy bà M còn nợ bà L số tiền tổng cộng là 220.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà M trả cho bà L số tiền 220.800.000 đồng và phải chịu 11.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh, phía bà L trong đơn xin vắng mặt đề ngày 16/10/2018 vẫn giữ nguyên ý kiến. Vì vậy, không cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L: Buộc bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền là 220.800.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng*).

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị M phải nộp 11.040.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 003189 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, bà Đỗ Thị M còn phải nộp tiếp 11.040.000 đồng (*Mười một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền 6.350.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003129 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến ngày thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND huyện L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Nhu**